

Bản án số: 79/2021/HS-PT

Ngày 09- 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2021/TLPT-HS, ngày 08-10-2021 đối với bị cáo Vũ Hữu T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Hữu T, sinh năm 1981, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn a, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hồng A (đã chết) và bà Lê Thị P; có vợ là Nguyễn Thanh B (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 30 tháng tù tại Bản án số 225/HSPT ngày 25/10/2001, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2003, chưa được xóa án tích; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi “*Đánh bạc*”, ngày 26/8/2020 bị Công an xã Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt số tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt); đang tại ngoại– Có mặt.

2. Đồng Thị Kim H, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn b, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Hoàng M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim Q; có chồng là Phan Ngọc V và 03 con; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi “*Đánh bạc*”, ngày 26/8/2020 bị Công an xã Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt số tiền 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt); đang tại ngoại – có mặt.

3. Phạm Văn T, sinh năm 1975, tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn a, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn c, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị P; có vợ là Đặng Thị S (đã ly hôn) và 02 con; đang tại ngoại - có mặt.

4. Đinh Thị H, sinh năm 1970, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số a, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn a, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà Trần Thị T (đều đã chết); chưa có chồng, con; đang tại ngoại - có mặt.

5. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1973, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số a, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn a, xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị S; có chồng là Đỗ Phú D và 02 con; đang tại ngoại - có mặt.

6. Đồng Thị Ánh Đ, sinh năm 1992, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Thôn d, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Hoàng M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim Q; có chồng là Lý Trung T và 01 con; đang tại ngoại - Có mặt.

7. Nguyễn Thị T (tên gọi khác: **P**), sinh năm 1983 tại tỉnh Hà Tây; nơi cư trú: Thôn đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: trang điểm cô dâu, áo cưới; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị S; chồng là Nguyễn Văn T và 02 con; đang tại ngoại-có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 14 phút ngày 19/9/2020, Lại Thị T và Nguyễn Thị T nhắn tin với nhau thông qua ứng dụng Zalo. Lại Thị T rủ Nguyễn Thị T đánh bạc thì Nguyễn Thị T đồng ý nhưng 02 người chưa thống nhất được địa điểm chơi. Sau đó thông qua ứng dụng Facebook, Nguyễn Thị T nhắn tin hỏi mượn địa điểm nhà của Phạm Văn T tại thôn c, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cửa hàng nông cơ H*) để đánh bạc thì Phạm Văn T đồng ý. Sau khi được Nguyễn Thị T nói địa điểm, Lại Thị T gọi điện rủ thêm Đinh Thị H, Đinh Thị Kim H và Đồng Thị Ánh Đ đánh bạc thì Đinh Thị H, Đinh Thị Kim H và Đồng Thị Ánh Đ đồng ý; Nguyễn Thị T đến Siêu thị mini K ở thôn đ, xã Q, huyện Đ mua 02 bộ bài tú lơ khơ. Khoảng 14 giờ 51 phút cùng ngày Nguyễn Thị T, Lại Thị T, Đinh Thị H, Đồng Thị Kim H và Đồng Thị Ánh Đ đến nhà Phạm Văn T, các bị cáo vào trong phòng ngủ, trải chiếu xuống nền nhà, lấy 01 đĩa nhựa rồi tất cả ngồi xuống sử

dụng 03 bộ bài tú lơ khơ (02 bộ do Thủy mua, 01 bộ có sẵn ở nhà Phạm Văn T) chơi “xì lát” ăn tiền. Hình thức chơi như sau: 01 người làm “nhà cái”, những người còn lại làm “nhà con”. Từng “nhà con” đặt số tiền mà mình muốn đặt theo mức đã quy định từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng trước mặt mình. “Nhà cái” dùng bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá chia cho mỗi người 02 lá bài, số còn lại được đặt trên chiếu. Sau đó theo thứ tự từng “nhà con” bốc bài, “nhà cái” là người bốc bài sau cùng. Mỗi “nhà con” và “nhà cái” được rút từ bộ bài trên đĩa tối đa là 3 lá bài. Khi “nhà cái” cộng điểm các lá bài nếu đủ 15 điểm, “nhà con” đủ 16 điểm trở lên thì có quyền bốc hoặc không bốc bài nữa. Điểm được tính bằng tổng của từng lá bài cộng lại, cụ thể như sau: Từ lá bài có số 02 đến lá bài có số 10 được tính tương ứng là 02 đến 10 điểm; Lá bài J, Q, K được tính là 10 điểm, riêng lá bài A có thể được tính 01, 10 hoặc 11 điểm. Bài lớn nhất là bài có 02 lá bài A gọi là “Xì bần”. Thứ hai là bài có 01 lá bài A và thêm một trong các lá 10, J, Q, K gọi là “Xì lát”. Thứ ba là bài có 05 lá cộng lại nhỏ hơn hoặc bằng 21 điểm gọi là “Ngũ linh”. Thứ tư là bài 21 điểm, rồi đến bài 20, 19, 18, 17 và 16 điểm. Bài có số điểm các lá bài cộng lại lớn hơn 21 điểm gọi là “Oác”, đây là bài thấp nhất. Khi “nhà cái” có điểm từ 15 trở lên thì có quyền lật bài của từng nhà con để so sánh mức độ ăn thua. Nếu “nhà cái” có bài lớn hơn “nhà con” thì được lấy số tiền đã đặt trước đó. Ngược lại, nếu “nhà cái” có bài nhỏ hơn thì phải trả cho “nhà con”, bằng số tiền mà “nhà con” đã đặt. Nếu hai “nhà” bằng điểm nhau thì không ai bị mất tiền, gọi là “chạy”. Nếu tổng số điểm của “nhà con” vượt quá 28 điểm, thì người đó phải “đền”, nghĩa là phải chung tiền cho những người đánh bạc theo mức tương ứng mà họ đặt. Trước khi chơi Nguyễn Thị T có khoảng 1.500.000 đồng, Đinh Thị H có 1.200.000 đồng, Đồng Thị Ánh Đ 950.000 đồng, Lại Thị T có 600.000 đồng, Đồng Thị Kim H có 100.000 đồng. Khi chơi Đồng Thị Kim H không trực tiếp làm “nhà cái” hoặc “nhà con” mà thỉnh thoảng đặt tiền ké với Đồng Thị Ánh Đ, những người còn lại mỗi người làm “nhà cái” ba ván. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày có Vũ Hữu T đến cùng tham gia đánh bạc, trước khi chơi Vũ Hữu T có 100.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, Phạm Văn T cũng vào tham gia đánh bạc, trước khi chơi Phạm Văn T có khoảng 4.900.000 đồng. Khoảng 15 giờ 37 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Phương L đến tham gia đánh bạc, trước khi chơi L có 600.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Công an xã Q bắt quả tang Phạm Văn T, Vũ Hữu T, Lại Thị T, Đồng Thị Ánh Đ, Đinh Thị H và Nguyễn Thị Phương L đang đánh bạc; Đồng Thị Kim H đang ngồi xem, Nguyễn Thị T đã về từ trước; sau khi bị phát hiện Đồng Thị Kim H và Nguyễn Thị T đến Công an huyện Đắk Glong đầu thú.

Vật chứng của vụ án thu giữ được: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10.050.000 đồng (thu trên chiếu bạc: 200.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Lại Thị T: 1.050.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Vũ Hữu T: 200.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Phạm Văn T: 600.000 đồng; thu trên người Phạm Văn T: 2.600.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Thị Phương L: 650.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Đinh Thị H: 1.200.000 đồng; thu tại vị trí ngồi của Đồng Thị Ánh Đ: 1.350.000 đồng; Nguyễn Thị T giao nộp số tiền: 1.500.000 đồng; thu trong phòng số tiền 700.000 đồng) và một số vật chứng khác.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long quyết định: Tuyên bố các bị cáo Vũ Hữu T, Đồng Thị Kim H, Phạm Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Phương L, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T phạm tội “*Đánh bạc*”

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 09 (chín) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (*tám*) tháng tù; Đinh Thị H 06 (*sáu*) tháng tù; Nguyễn Thị Phương L 06 (*sáu*) tháng tù; Đồng Thị Ánh Đ 06 (*sáu*) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị T 06 (*sáu*) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đồng Thị Kim H 05 (*năm*) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 01-9-2021, bị cáo Vũ Hữu T và Đoàn Thị Kim H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin phạt tiền hoặc cho hưởng án treo. Ngày 30-8-2021, bị cáo Phạm Văn T, Đinh Thị H, Đồng Thị Ánh Đ, Nguyễn Thị Phương L, và Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin phạt tiền hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận bị Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long xử phạt về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, u khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 04 - 05 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Thị Kim H 03 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (*tám*) tháng tù, Đinh Thị H 06 (*sáu*) tháng tù, Nguyễn Thị Phương L 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Thị Ánh Đ 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long đã kết án các bị cáo Vũ Hữu T, Đồng Thị Kim H, Phạm Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Phương L, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với bị cáo Vũ Hữu T và Đồng Thị Kim H: Mặc dù các bị cáo Vũ Hữu T, Đồng Thị Kim H có nhân thân xấu nhưng trong lần phạm tội này, các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc ít hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Vũ Hữu T cung cấp giấy xác nhận của Công an xã Q, huyện Đ về việc bị cáo đã có công lao cung cấp thông tin, giúp đỡ, phối hợp Công an xã Q đấu tranh triệt xóa các tụ điểm đánh bạc tại địa phương và xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, xét thấy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo Đồng Thị Kim H phạm tội lần đầu, không trực tiếp đánh bạc, mà chỉ đặt ké với Đ, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 09 tháng tù và bị cáo Đồng Thị Kim H 05 tháng tù là có phần nghiêm khắc, chưa đảm bảo tính công bằng đối với các bị cáo, do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Hữu T, giữ nguyên Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đồng Thị Kim H, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2.2]. Đối với bị cáo Phạm Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Phương L, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T: Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có đơn trình bày về hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó các bị cáo không được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đồng Thị Ánh Đ hiện nay đang mang thai. Đồng thời, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt và chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa về phân hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Vũ Hữu T, Đồng Thị Kim H, Phạm Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Phương L, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T, sửa Bản án sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long về phần áp dụng pháp luật và hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Hữu T, Đồng Thị Kim H, Phạm Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Phương L, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Hữu T** 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đồng Thị Kim H** 03 (*Ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 08 (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị H** 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Phương L** 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Đồng Thị Ánh Đ** 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: **P**) 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T, Đồng Thị Ánh Đ và Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đinh Thị H cho UBND phường T, bị cáo Nguyễn Thị Phương L cho UBND phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT CA huyện Đắk G'long;
- VKSND huyện Đắk G'long;
- TAND huyện Đắk G'long;
- Chi cục THADS huyện Đắk G'long;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
- Bị cáo;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương